

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HSST

Ngày: 29/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Pha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và ông Trần Sáu .

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Khiêm – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-QĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh T; Tên gọi khác: không, sinh ngày 12/12/1974. Nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 07/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Bạch H (đã chết) và bà Lê Thị V, sinh năm 1955. Em ruột: 02 người. Vợ Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1977. Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án: Ngày 09/06/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk) xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2024 đến ngày 12/3/2025; Bảo lãnh từ ngày 12/3/2025 đến ngày 19/6/2025; Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2025 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Thanh P; Tên gọi khác: không, sinh ngày 01/01/1977. Nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 04/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965. Anh, em ruột: 03 người. Chồng Phạm Minh T, sinh năm 1974. Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2024 đến ngày 20/2/2025; Bảo lãnh từ ngày 20/2/2025 đến ngày 19/3/2025; Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/3/2025 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Ngô Văn T1; Tên gọi khác: không, sinh ngày 01/01/1972. Nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 05/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ngô I (đã chết) và bà Lê Thị T2 (đã chết). Anh, chị, em ruột: 07 người. Vợ Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Phan Thị Kim H1; Tên gọi khác: không, sinh ngày 05/5/1977. Nơi cư trú: thôn N, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 07/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phan T3 (đã chết) và bà Lê Thị L2, sinh năm 1950. Anh, chị, em ruột: 07 người. Chồng Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 22/12/2024; Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2024 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Thị Bích H2; Tên gọi khác: không, sinh ngày 01/1/1985. Nơi cư trú: thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 09/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần T4 (đã chết) và bà Trần Thị C (đã chết). Anh, em ruột: 02 người. Chồng Nguyễn Minh L3, sinh năm 1977; Con đẻ: 03 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Trương Thị C1; Tên gọi khác: không, sinh ngày 10/7/1961. Nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 3/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Q (đã chết) và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1932. Chị, em ruột: 06 người. Chồng Hồ Văn T5, sinh năm 1961; Con đẻ: 01 người, sinh năm 1988.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Đặng Thị Thanh H3; Tên gọi khác: không, sinh ngày 12/8/1981. Nơi cư trú: thôn N, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng C2, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị T6 (đã chết). Anh, chị, em ruột: 05 người. Chồng Dương Văn T7, sinh năm 1977; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Chí T8; Tên gọi khác: không, sinh ngày 06/3/1974. Nơi cư trú: thôn N, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ văn hóa: 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Chí T9, sinh năm 1936 và bà Võ Thị Thanh N1, sinh năm 1940 (đã chết). Vợ Phạm Thị Q1, sinh năm 1975; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Ngô Thị H4; Tên gọi khác: không, sinh ngày 12/9/1985. Nơi cư trú: thôn G, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 5/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ngô G (đã chết) và bà Huỳnh Thị T10, sinh năm 1954. Anh, chị, em ruột: 08 người. Chồng Huỳnh Thanh T11, sinh năm 1982; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 23/4/2014, bị TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk) xử phạt 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 24/01/2025; Bảo lãnh từ ngày 24/01/2025 đến ngày 19/3/2025; Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/3/2025 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

10. Huỳnh Thị D1; Tên gọi khác: D2, sinh ngày 01/01/1987. Nơi cư trú: thôn N, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 5/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Huỳnh C3 (đã chết) và bà Lê Thị N2, sinh năm 1959. Chị, em ruột: 04 người. Chồng Nguyễn Văn K1, sinh năm 1979; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Trần Thị Kim M; Tên gọi khác: không, sinh ngày 11/11/1988. Nơi cư trú: thôn L, xã B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 4/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn T12 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T13, sinh năm 1964. Em ruột: 04 người. Chồng Bùi Văn Đ, sinh năm 1983; Con đẻ: 03 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

12. Huỳnh Thị D1; Tên gọi khác: không, sinh ngày 01/10/1972. Nơi cư trú:

thôn T, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 7/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Huỳnh N3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P1 (đã chết). Anh, chị, em ruột: 05 người. Chồng Tống Văn N4, sinh năm 1969; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 21/12/2024; Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/12/2024 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

13. Trần Thị Ngọc Đ1; Tên gọi khác: không, sinh ngày 20/12/1983. Nơi cư trú: thôn T, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ văn hóa: 5/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Kim T14, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị Ngọc L4, sinh năm 1959. Em ruột: 03 người. Chồng Bùi Kim L5, sinh năm 1973; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

14. Nguyễn Thị T15; Tên gọi khác: không, sinh ngày 09/10/1972. Nơi cư trú: thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 2/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị Kim V1 (đã chết). Em ruột: 01 người. Chồng Trương T16, sinh năm 1973; Con đẻ: 03 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 21/12/2024; Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/12/2024 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

15. Đinh Thị C4; Tên gọi khác: không, sinh ngày 20/10/1969. Nơi cư trú: thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 3/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đinh T17, sinh năm 1944 và bà Văn Thị L6, sinh năm 1948. Chị, em ruột: 06 người. Chồng Phan Đức T18, sinh năm 1970; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

16. Võ Thị M1; Tên gọi khác: không, sinh ngày 01/01/1953. Nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 02/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Võ L7 (đã chết) và bà Lê Thị N5 (đã chết). Chồng Đỗ Cao V2, sinh năm 1954; Con đẻ: 03 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1989

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

17. Nguyễn Thị Bạch T19; Tên gọi khác: không, sinh ngày 09/9/1967. Nơi

cư trú: thôn N, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 8/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn L8 (đã chết) và bà Võ Thị H5 (đã chết). Anh, em ruột: 04 người. Chồng Phạm Trần H6, sinh năm 1966; Con đẻ: 02 người, con lớn sinh năm 1989 đã chết, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

18. Nguyễn Thị N6; Tên gọi khác: Bé, sinh ngày 04/6/1974. Nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn D3 (đã chết) và bà Dương Thị R (đã chết). Chị ruột: 03 người. Chồng Hồ Nghĩa P2, sinh năm 1974; Con đẻ: 04 người; lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

19. Biện Thị T20; Tên gọi khác: không, sinh ngày 10/5/1972. Nơi cư trú: thôn G, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Biện C5 (đã chết) và bà Trần Thị C6 (đã chết). Chồng Võ Văn N7, sinh năm 1969; Con đẻ: 02 người; lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

20. Trần Thị T21; Tên gọi khác: không, sinh ngày 05/5/1973. Nơi cư trú: thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 02/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Kim C7 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D4, sinh năm 1935. Anh, chị, em ruột 04 người. Chồng Kiều Ngọc T22, sinh năm 1973; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

21. Lê Thị T23; Tên gọi khác: không, sinh ngày 06/6/1968. Nơi cư trú: thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 5/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn T24, sinh năm 1939 và bà Trần Thị T25 (đã chết). Anh, chị, em ruột 03 người. Chồng Nguyễn Thái L9 1961, sinh năm 1963; Con đẻ: 02 người, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

22. Huỳnh Thị Tấn Y; Tên gọi khác: không, sinh ngày 18/12/1992. Nơi cư trú: thôn H, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông

Huỳnh Tấn B, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T26, sinh năm 1958. Anh ruột 01 người. Chồng Trần Xuân G1, sinh năm 1986; Con đẻ: 02 người; lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

23. Lê Thị Thúy V3; Tên gọi khác: không, sinh ngày 13/5/1984. Nơi cư trú: thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 10/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê C8, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị L10, sinh năm 1957. Anh, em ruột 03 người. Chồng Nguyễn Tấn Ý, sinh năm 1982; Con đẻ: 02 người; lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị M1: Ông Nguyễn N8 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: Trung tâm T39 tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim M: Ông Ngô Thiên P3 Luật sư Văn phòng L20; Địa chỉ: D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N6: Ông Đoàn Cửu V4 – Công ty L21; Địa chỉ: A N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngô Thị S1, sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn Giai Sơn, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

2. Võ Văn L11, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn Mỹ Quang Bắc, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

3. Lê Thanh H7, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Mỹ Quang Nam, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

4. Lê Thị Thu O, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: thôn Nhơn Hội, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk

5. Nguyễn Thị H8, sinh năm 1969. Xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: thôn Nhơn Hội, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk

6. Nguyễn Khắc T27, sinh năm 1954.

Địa chỉ: thôn Phú Hòa, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

7. Nguyễn Bá Q2, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: thôn Mỹ Quang Bắc, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

8. Nguyễn Thị Kim T28, sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ: thôn Nhơn Hội, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk

9. Nguyễn Thị C9, sinh năm 1987. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk

10. Nguyễn Hữu T29, sinh năm 1968. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Giai Sơn, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

11. Trần Thị B1, sinh năm 1976. Có mặt
Địa chỉ: thôn Hội Sơn, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk
12. Huỳnh Thị Mỹ P4, sinh năm 1993. Vắng mặt.
Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk
13. Dương Thị Kim S2, sinh năm 1977. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: thôn N, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk
14. Nguyễn Thị M2, sinh năm 1986. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: thôn Long Thủy, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk
15. Nguyễn Thị D5, sinh năm 1965. Có mặt
Địa chỉ: thôn Hội Sơn, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk
16. Nguyễn Thị Hồng D6, sinh năm 1965. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn Phú Long, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk
17. Trần Thị Tuyết M3, sinh năm 1983. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk
18. Trần Ngọc V5, sinh năm 1963. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk
19. Nguyễn Thị B2, sinh năm 1956. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk
20. Nguyễn Thị G2, sinh năm 1971. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk
21. Lê Thị M4, sinh năm 1956. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn Phú Thường, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk
22. Biện Lý C10, sinh năm 1990. Có mặt
Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk
23. Nguyễn Văn T30, sinh năm 1971. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn Phú Long, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk
24. Lê Văn T31, sinh năm 1973. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk
25. Huỳnh Văn T32, sinh năm 1976. Có mặt
Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk
26. Lê H7, sinh năm 1970. Có mặt
Địa chỉ: thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk
27. Trần Thị N9, sinh năm 1954. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn T, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk
28. Nguyễn Thị Kim L12, sinh năm 1978. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn T, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk
29. Nguyễn Thị Thùy L13, sinh năm 1988. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn T, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk
30. Nguyễn Thị L14, sinh năm 1984. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk
31. Nguyễn Thị L15, sinh năm 1945. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk

32. Nguyễn Thị L16, sinh năm 1975. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk

33. Nguyễn Thị Xuân P5, sinh năm 1945. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn P, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk

34. Nguyễn Thị S3, sinh năm 1959. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk

35. Dương T33, sinh năm 1954. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: thôn Hòa Đa, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

36. Phạm Thị Thanh H9, sinh năm 1998. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Phú Long, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

37. Nguyễn Trần Trung H10, sinh năm 1994. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk

38. Hồ Văn T5, sinh năm 1961. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk

39. Nguyễn Minh L3, sinh năm 1977. Có mặt
Địa chỉ: thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk

40. Tống Văn N4, sinh năm 1969. Có mặt
Địa chỉ: thôn Tân An, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk

41. Trương T16, sinh năm 1973. Có mặt
Địa chỉ: thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk

42. Trương Hoàng T34, sinh năm 1988. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn Mỹ Quang Nam, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk

43. Huỳnh Thanh T11, sinh năm 1982. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn G, xã T, tỉnh Đắk Lắk

44. Phan Đức T18, sinh năm 1970. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn N, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đầu năm 2024, nhằm thu lợi bất chính, vợ chồng Phạm Minh T và Nguyễn Thị Thanh P đã bàn bạc thống nhất với Phan Thị Kim H1, Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1 và Đặng Thị Thanh H3, Ngô Văn T1, Nguyễn Chí T8, Ngô Thị H4, Huỳnh Thị D1 (D2), Huỳnh Thị D1, Đinh Thị C4, Trần Thị T21, Nguyễn Thị Bạch T19, Võ Thị M1, Trần Thị Kim M, Trần Thị Ngọc Đ1, Lê Thị T23, Nguyễn Thị T15, Biện Thị T20, Nguyễn Thị N6, Huỳnh Thị Tấn Y, Lê Thị Thúy V3 và nhiều người khác ghi, nhận tịch số đề để tổ chức đánh bạc và đánh bạc thắng thua bằng tiền. Các đối tượng sử dụng nhiều phương thức khác nhau để ghi và chuyển tịch đề cho nhau như ghi trực tiếp ra giấy, gọi điện thoại hoặc nhắn tin qua điện thoại, sử dụng mạng xã hội như Zalo, V6, T35...Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết hàng ngày, sẽ xác định kết quả thắng thua rồi liên lạc với nhau để trả tiền bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng hoặc hẹn gặp để giao nhận

tiền.

Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 15/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P (nay là tỉnh Đắk Lắk) kiểm tra phát hiện bắt quả tang các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc ở nhiều địa điểm khác nhau. Kết quả điều tra xác định các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc như sau:

- **Đối với Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P:** có vai trò chủ mưu, cầm đầu, đã móc nối, rủ rê, lôi kéo các bị cáo và nhiều người khác tổ chức đánh bạc. Từ ngày 08/12/2024 đến ngày 15/12/2024, T và P đã 13 lần tổ chức đánh bạc, trong đó: 03 lần với số tiền mỗi lần từ 20.000.000 đồng trở lên và 10 người trở trên; 03 lần với số tiền mỗi lần từ 20.000.000 đồng trở lên và dưới 10 người; 02 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 10/12/2024: Đài M, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 5.156.800 đồng (tiền ghi đề 3.966.800 đồng, tiền thắng 1.190.000 đồng).

+ Ngày 12/12/2024: Đài M, tỉnh Bình Định với tổng số tiền đánh bạc 8.940.200 đồng (tiền ghi đề 5.000.200 đồng, tiền thắng 3.940.000 đồng).

+ Ngày 13/12/2024: Đài M, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền đánh bạc 118.312.200 đồng (tiền ghi đề 61.692.200 đồng, tiền thắng 56.620.000 đồng); Đài M với tổng số tiền đánh bạc 163.808.000 đồng (tiền ghi đề 81.408.000 đồng, tiền thắng 82.400.000 đồng).

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc là 150.633.400 đồng (tiền ghi đề 79.643.400 đồng, tiền thắng 70.990.000 đồng), cho 14 người; Đài M với tổng số tiền đánh bạc 90.128.000 đồng (tiền ghi đề 57.878.000 đồng, tiền thắng 32.250.000 đồng).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 402.179.800 đồng (tiền ghi đề 293.369.800đ, tiền thắng 108.810.000 đồng), cho 36 người; Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 78.470.000 đồng (tiền ghi đề), cho 16 người.

Ngoài ra còn có 05 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 1.030.846.800 đồng, thu lợi bất chính 28.323.064 đồng.

- **Đối với Ngô Văn T1:** là người trung gian nhận tịch đề từ cấp dưới rồi tổng hợp, chuyển cho T, P, M và người tên K2 để hưởng hoa hồng và giữ lại một số lô đề để thắng thua với cấp dưới. Từ ngày 13/12/2024 đến ngày 15/12/2024, T1 đã tổ chức đánh bạc 06 lần với số tiền mỗi lần từ 20.000.000 đồng trở lên và dưới 10 người. Tổng số tiền đánh bạc là 347.915.000 đồng, thu lợi bất chính 42.530.690 đồng, cụ thể:

+ Ngày 13/12/2024: Đài M, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền đánh bạc 107.580.000 đồng (tiền ghi đề 69.080.000 đồng, tiền thắng 38.500.000 đồng), đã chuyển hết cho cấp trên; Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 21.870.000 đồng (tiền ghi đề), đã chuyển hết cho cấp trên.

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc 54.180.000 đồng (tiền ghi đề 35.280.000 đồng, tiền thắng 18.900.000 đồng), đã chuyển cho cấp trên 19.460.000 đồng và giữ lại để thắng thua với cấp dưới 34.720.000 đồng; Đài M với tổng số tiền đánh bạc 37.218.000 đồng (tiền ghi đề 34.803.000 đồng, tiền thắng 2.415.000 đồng), đã chuyển cho cấp trên 10.170.000 đồng và giữ lại để thắng thua với cấp dưới 27.048.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 97.360.000 đồng (tiền ghi đề 72.160.000 đồng, tiền thắng 25.200.000 đồng), đã chuyển hết cho cấp trên; Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 29.707.000 đồng (tiền ghi đề), đã chuyển cho cấp trên 5.076.000 đồng và giữ lại để thắng thua với cấp dưới 24.631.000 đồng.

- **Đối với Trương Thị C1:** là người trung gian ghi số đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho T, P để hưởng hoa hồng. Từ ngày 11/12/2024 đến ngày 15/12/2024, C1 đã tổ chức đánh bạc gồm: 01 lần với số tiền từ 20.000.000 đồng trở lên và dưới 10 người; 04 lần với số tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 12/12/2024: Đài M, tỉnh Bình Định với tổng số tiền đánh bạc là 7.980.200 đồng (tiền ghi đề 4.460.200 đồng, tiền thắng 3.520.000 đồng).

+ Ngày 13/12/2024: Đài M, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền đánh bạc là 12.227.000 đồng (tiền ghi đề 5.057.000 đồng, tiền thắng 7.170.000 đồng).

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc là 7.082.000 đồng (tiền ghi đề 3.512.000 đồng, tiền thắng 3.570.000 đồng).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 28.742.800 đồng (tiền ghi đề 22.542.800 đồng, tiền thắng 6.200.000 đồng); Theo đài Miền B3 với tổng số tiền đánh bạc là 9.489.000 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra còn có 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc là 69.149.400 đồng, thu lợi bất chính 1.479.706 đồng.

- **Đối với Trần Thị Bích H2:** là người trung gian nhận tịch đề của người khác rồi tổng hợp, chuyển cho T, P để hưởng hoa hồng, giữ lại một số lô đề để thắng thua với cấp dưới. Từ ngày 13/12/2024 đến ngày 15/12/2024, H2 đã tổ chức đánh bạc gồm: 01 lần với số tiền từ 20.000.000 đồng trở lên và dưới 10 người, 04 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 13/12/2024: Đài M, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền đánh bạc là 8.928.000 đồng (tiền ghi đề 2.228.000 đồng, tiền thắng 6.700.000 đồng); Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 10.718.000 đồng (tiền ghi đề 1.918.000 đồng, tiền thắng 8.800.000 đồng).

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc là 7.344.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 24.340.000 đồng (tiền ghi đề 10.990.000 đồng, tiền thắng 13.350.000 đồng); Đài

M với tổng số tiền đánh bạc là 15.447.000 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra còn có 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc là 71.192.000 đồng, thu lợi bất chính 17.742.813 đồng.

- **Đối với Phan Thị Kim H1:** là người trung gian nhận tịch đề từ cấp dưới rồi tổng hợp, chuyển cho P, T1 để hưởng hoa hồng. Các ngày 14/12/2024 và 15/12/2024, H1 đã tổ chức đánh bạc gồm: 01 lần với số tiền từ 20.000.000 đồng trở lên và dưới 10 người; 01 lần với số tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc là 16.560.000 đồng (tiền ghi đề 10.260.000 đồng, tiền thắng 6.300.000 đồng).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 30.932.000 đồng (tiền ghi đề 20.432.000 đồng, tiền thắng 10.500.000 đồng).

Ngoài ra còn có 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc là 47.870.000 đồng, thu lợi bất chính 214.844 đồng.

- **Đối với Đặng Thị Thanh H3:** là người trung gian ghi số đề, nhận tịch đề từ cấp dưới rồi tổng hợp, chuyển cho P để hưởng hoa hồng. Ngày 15/12/2024, H3 đã tổ chức đánh bạc gồm: 01 lần với số tiền từ 20.000.000 đồng trở lên và dưới 10 người; 01 lần với số tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người. Tổng số tiền đánh bạc là 42.527.000 đồng, thu lợi bất chính 8.918.550 đồng, cụ thể: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 31.501.000 đồng (tiền ghi đề 18.901.000 đồng, tiền thắng 12.600.000 đồng); Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 11.026.000 đồng (tiền ghi đề).

- **Đối với Nguyễn Chí T8:** là người trung gian nhận tịch đề từ cấp dưới rồi tổng hợp, chuyển cho T1 để hưởng hoa hồng. Các ngày 14/12/2024 và 15/12/2024, T8 đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng và dưới 10 người. Tổng số tiền đánh bạc là 88.500.000 đồng, không thu lợi bất chính, cụ thể:

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc là 37.080.000 đồng (tiền ghi đề 24.480.000 đồng, tiền thắng 12.600.000 đồng).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 51.420.000 đồng (tiền ghi đề 30.420.000 đồng, tiền thắng 21.000.000 đồng).

- **Đối với Huỳnh Thị D1:** là người trung gian nhận tịch đề từ cấp dưới rồi tổng hợp, chuyển cho T, P để hưởng hoa hồng. Từ ngày 13/12/2024 đến ngày 15/12/2024, D1 đã tổ chức đánh bạc 04 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 13/12/2024: Đài M, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền đánh bạc là 7.025.000 đồng (tiền ghi đề 5.275.000 đồng, tiền thắng: 1.750.000 đồng); Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 7.671.000 đồng (tiền ghi đề 4.671.000 đồng, tiền thắng 3.000.000 đồng).

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc là 13.453.000 đồng (tiền ghi đề 6.393.000 đồng, tiền thắng 7.060.000 đồng).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là

9.132.000 đồng (tiền ghi đề 5.492.000 đồng, tiền thắng 3.640.000 đồng).

Ngoài ra còn có 02 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc là 42.959.500 đồng, thu lợi bất chính 2.174.690 đồng.

- **Đối với Đinh Thị C4:** là người trung gian ghi số đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho T, P để hưởng hoa hồng. Ngày 15/12/2024, C4 đã tổ chức đánh bạc 01 lần đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 5.507.000 đồng (tiền ghi đề 2.987.000 đồng, tiền thắng 2.520.000 đồng) và dưới 10 người. Ngoài ra còn có 01 lần tổ chức đánh bạc vào ngày 12/12/2024 với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 6.467.000 đồng, thu lợi bất chính 79.696 đồng.

- **Đối với Trần Thị T21:** là người trung gian ghi số đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho T, P để hưởng hoa hồng. Ngày 15/12/2024, T21 đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người. Tổng số tiền đánh bạc là 18.456.000 đồng, thu lợi bất chính 5.303.090 đồng, cụ thể: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 11.895.000 đồng (tiền ghi đề); Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 6.561.000 đồng (tiền ghi đề).

- **Đối với Nguyễn Thị Bạch T19:** là người trung gian ghi số đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho T, P để hưởng hoa hồng. Ngày 15/12/2024, T19 đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người. Tổng số tiền đánh bạc là 18.361.000 đồng, thu lợi bất chính 376.130 đồng, cụ thể: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 8.210.000 đồng (tiền ghi đề 7.510.000 đồng, tiền thắng 700.000 đồng); Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 10.151.000 đồng (tiền ghi đề).

- **Đối với Võ Thị M1:** là người trung gian ghi số đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho T, P để hưởng hoa hồng. Từ ngày 08/12/2024 đến ngày 15/12/2024, M1 đã tổ chức đánh bạc gồm: 03 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 6.654.000 đồng (tiền ghi đề 5.604.000 đồng, tiền thắng 1.050.000 đồng).

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc là 6.894.000 đồng (tiền ghi đề 5.284.000 đồng, tiền thắng 1.610.000 đồng).

+ Ngày 13/12/2024: Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 5.221.000 đồng (tiền ghi đề 1.821.000 đồng, tiền thắng 3.400.000 đồng).

Ngoài ra còn có 06 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc là 30.538.800 đồng, thu lợi bất chính 1.214.405 đồng.

- **Đối với Trần Thị Kim M:** là người trung gian nhận tịch đề từ T1 rồi phân tách, tổng hợp chuyển cho người tên P6, T36 (không xác định) để hưởng hoa hồng và giữ lại để thắng thua với T1. Ngày 15/12/2024, M đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người.

Tổng số tiền đánh bạc là 23.276.000 đồng, thu lợi bất chính 1.164.900 đồng, cụ thể: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 18.200.000 đồng (tiền ghi đề), đã chuyển lên cấp trên 16.830.000 đồng và giữ lại thắng thua với cấp dưới 1.370.000 đồng; Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 5.067.000 đồng (tiền ghi đề).

- **Đối với Trần Thị Ngọc Đ1:** là người trung gian ghi số đề, nhận tịch đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho T1 để hưởng hoa hồng. Từ ngày 13/12/2024 đến ngày 15/12/2024, Đ1 đã tổ chức đánh bạc 04 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 13/12/2024: Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 6.856.000 đồng (tiền ghi đề 3.726.000 đồng, tiền thắng 3.130.000 đồng).

+ Ngày 14/12/2024: Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 15.567.000 đồng (tiền ghi đề 14.202.000 đồng, tiền thắng 1.365.000 đồng).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 16.250.000 đồng (tiền ghi đề 2.250.000 đồng, tiền thắng 14.000.000 đồng); Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 13.014.000 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra còn có 02 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc là **54.387.000** đồng, thu lợi bất chính 1.009.260 đồng.

- **Đối với Nguyễn Thị T15:** là người trung gian nhận ghi số đề từ người khác đồng thời tự nghĩ ra các số đánh đề, số tiền đánh đề rồi tổng hợp, chuyển cho P để hưởng hoa hồng và đánh bạc. Từ ngày 13/12/2024 đến ngày 15/12/2024, T15 đã đánh bạc 03 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 13/12/2024: Đài M, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền đánh bạc, tổ chức đánh bạc là 9.519.200 đồng (tiền ghi đề 5.409.200 đồng, tiền thắng 4.110.000 đồng), trong đó: nhận từ cấp dưới 3.564.400 đồng, tự nghĩ ra số đề để đánh bạc 5.954.800 đồng, đã chuyển hết lên cấp trên để đánh bạc, tổ chức đánh bạc.

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc, tổ chức đánh bạc là 8.839.900 đồng (tiền ghi đề 6.949.900 đồng, tiền thắng 1.890.000 đồng), trong đó: nhận từ cấp dưới 4.684.000 đồng, tự nghĩ ra số đề để đánh bạc 4.155.900 đồng rồi chuyển lên cấp trên 5.503.900 đồng, giữ lại để thắng thua 3.336.000 đồng.

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc, tổ chức đánh bạc là 25.169.600 đồng (tiền ghi đề 5.989.600 đồng, tiền thắng 19.180.000 đồng), trong đó: nhận từ cấp dưới 4.482.600 đồng, tự nghĩ ra số đề để đánh bạc 20.687.000 đồng rồi chuyển lên cấp trên 23.204.600 đồng, giữ lại để thắng thua 1.965.000 đồng.

Ngoài ra còn có 03 lần đánh bạc, tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc là **50.863.700** đồng, thu lợi bất chính 13.172.617 đồng.

- **Đối với Ngô Thị H4:** tự nghĩ ra những số đề và số tiền đánh đề rồi nhắn tin

cho P, T để đánh bạc. Từ ngày 13/12/2024 đến ngày 15/12/2024, H4 đã đánh bạc gồm: 01 lần với số tiền từ 50.000.000 đồng trở lên, 05 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **226.009.000 đồng**, thu lợi bất chính 69.023.810 đồng, cụ thể:

+ Ngày 13/12/2024: Đài M, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền đánh bạc là 42.536.000 đồng (tiền ghi đề 15.536.000 đồng, tiền thắng 27.000.000 đồng); Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 73.830.000 đồng (tiền ghi đề 22.330.000 đồng, tiền thắng 51.500.000 đồng).

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc là 36.954.000 đồng (tiền ghi đề 8.904.000 đồng, tiền thắng 28.050.000 đồng); Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 41.990.000 đồng (tiền ghi đề 24.490.000 đồng, tiền thắng 17.500.000 đồng).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 13.067.000 đồng (tiền ghi đề 9.497.000 đồng, tiền thắng 3.570.000 đồng); Đài M với tổng số tiền đánh bạc là 17.632.000 đồng (tiền ghi đề).

- **Đối với Huỳnh Thị D1** (tên gọi khác là D2): tự nghĩ ra các số đề và số tiền đánh đề, ghi ra giấy rồi chụp ảnh tịch đề gửi cho T8, H1 để đánh bạc. Ngày 15/12/2024, D1 đã đánh bạc 01 lần đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 81.090.000 đồng (tiền ghi đề 47.490.000 đồng, tiền thắng 33.600.000 đồng). Ngoài ra còn có 01 lần đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **81.468.000 đồng**, thu lợi bất chính 92.400 đồng.

- **Đối với Lê Thị T23**: là người trung gian ghi số đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho P để hưởng hoa hồng. Ngày 15/12/2024, đã tổ chức đánh bạc 01 lần với số tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 13.385.000 đồng (tiền ghi đề 3.735.000 đồng, tiền thắng 9.650.000 đồng). Ngoài ra còn có 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **14.965.000 đồng**, thu lợi bất chính 177.850 đồng.

- **Đối với Biện Thị T20**: là người trung gian ghi số đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho P để hưởng hoa hồng. Ngày 15/12/2024, T20 đã tổ chức đánh bạc 01 lần với số tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 8.797.000 đồng (tiền ghi đề 3.967.000 đồng, tiền thắng 4.830.000 đồng). Ngoài ra còn có 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **13.235.000 đồng**, thu lợi bất chính 164.490 đồng.

- **Đối với Nguyễn Thị N6**: là người trung gian ghi số đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho P để hưởng hoa hồng. Từ ngày 10/12/2024 đến ngày 15/12/2024, N6 đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 14/12/2024: Đài M, tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền đánh bạc là 6.878.000 đồng (tiền ghi đề 2.268.000 đồng, tiền thắng 4.610.000 đồng).

+ Ngày 15/12/2024: Đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 5.894.000 đồng (tiền ghi đề 3.994.000 đồng, tiền thắng 1.900.000 đồng).

Ngoài ra còn có 03 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc là **18.457.000** đồng, thu lợi bất chính 372.963 đồng.

- **Đối với Huỳnh Thị Tấn Y:** là người trung gian ghi số đề từ người khác rồi tổng hợp, chuyển cho P để hưởng hoa hồng. Ngày 15/12/2024, Y đã tổ chức đánh bạc 01 lần đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là **8.980.000 đồng** (tiền ghi đề 1.980.000 đồng, tiền thắng 7.000.000 đồng) và dưới 10 người, thu lợi bất chính 76.230 đồng.

- **Đối với Lê Thị Thúy V3:** tự nghĩ ra các số đề và số tiền đánh đề rồi nhắn tin qua điện thoại di động cho H2 để đánh bạc. Ngày 15/12/2024, V3 đã đánh bạc 01 lần đài M, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 8.150.000 đồng (tiền ghi đề 2.350.000 đồng, tiền thắng 5.800.000 đồng). Ngoài ra còn có 01 lần đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **12.120.000** đồng, thu lợi bất chính 1.251.800 đồng.

(Bút lục số: 527-530, 918-922, 976-980, 1660-1662, 1888-1890, 2113-2115, 2230-2232, 2291-2293, 2408-2410, 2484-2486, 2664-2665, 2802-2803, 2929-2931, 3047-3049, 3078-3080, 3116-3118, 3175-3176, 3219-3221, 3262-3264, 3340-3342, 3391-3393).

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản Cáo trạng số 139/CT-VKSĐL-P2 ngày 29 tháng 8 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Phạm Minh T về tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322 và tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321; Nguyễn Thị Thanh P về tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 và tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321; Phan Thị Kim H1, Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1 và Đặng Thị Thanh H3 về tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 và tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321; Ngô Văn T1 và Nguyễn Chí T8 về tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322; Ngô Thị H4, Huỳnh Thị D1 (D2) về tội Đánh bạc, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321; Huỳnh Thị D1, Đinh Thị C4, Trần Thị T21, Nguyễn Thị Bạch T19, Võ Thị M1, Trần Thị Kim M, Trần Thị Ngọc Đ1, Lê Thị T23, Nguyễn Thị T15, Biện Thị T20, Nguyễn Thị N6, Huỳnh Thị Tấn Y và Lê Thị Thúy V3 về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P; riêng bị cáo T áp dụng thêm điểm đ khoản 1 Điều 322.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Minh T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, phạt tiền bổ sung từ 35.000.000 đến 40.000.000 đồng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh P từ 12 đến 15 tháng tù, phạt tiền bổ sung từ 30.000.000 đến 35.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; riêng bị cáo T áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Phạt tiền bổ sung từ 20.000.000 đến 25.000.000 đồng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh P từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt tiền bổ sung từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự:

Đề nghị tổng hợp hình phạt về 02 tội đối với bị cáo Phạm Minh T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam; Phạt tiền bổ sung từ 55.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng.

Đề nghị tổng hợp hình phạt về 02 tội đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam; Phạt tiền bổ sung từ 45.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

2. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1, Đặng Thị Thanh H3, Phan Thị Kim H1.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1, Đặng Thị Thanh H3, Phan Thị Kim H1, mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Đề nghị phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo từ 20.000.000 đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1, Đặng Thị Thanh H3, Phan Thị Kim H1, riêng bị cáo H2, C1 áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1, mỗi bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Phạt tiền bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Thị Thanh H3, Phan Thị Kim H1, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Phạt tiền bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự:

Đề nghị tổng hợp hình phạt về 02 tội đối với Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1, mỗi bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; Phạt tiền bổ sung, mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Đề nghị tổng hợp hình phạt về 02 tội đối với Đặng Thị Thanh H3, Phan Thị Kim H1, mỗi bị cáo từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ

ngày bắt thi hành án (trừ thời hạn đã tạm giữ đối với bị cáo H1); Phạt tiền bổ sung, mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

3. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Văn T1, Nguyễn Chí T8.

Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Đề nghị phạt tiền bổ sung bị cáo từ 25.000.000 đến 30.000.000 đồng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T8 từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Đề nghị phạt tiền bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đến 25.000.000 đồng.

4. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Ngô Thị H4, Huỳnh Thị D1 (D2). Riêng bị cáo H4 bị áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Thị H4 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam. Phạt tiền bổ sung từ 25.000.000 đến 30.000.000 đồng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Thị D1 (D2) từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời hạn đã tạm giữ. Phạt tiền bổ sung từ 20.000.000 đến 25.000.000 đồng.

5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Trần Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị T15, Huỳnh Thị D1, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (trừ thời hạn đã tạm giữ đối với bị cáo T15, D1). Phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; Riêng bị cáo C4, Trong, T20, Y, V3 áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51; bị cáo M1 áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 51; bị cáo M1, T21, T19, M, N6 áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52, đề nghị xử phạt Võ Thị M1, Trần Thị T21, Nguyễn Thị Bạch T19, Trần Thị Kim M, Lê Thị T23, Biện Thị T20, Nguyễn Thị N6, Lê Thị Thúy V3, mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan Thi hành hình sự nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập. Giao người bị kết án cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của các bị cáo giám sát, giáo dục trong gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt hình phạt tiền là hình phạt chính đối với Đinh Thị C4, Huỳnh Thị Tấn Y, mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự. Đề nghị trả lại cho các bị cáo số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội:

- + Số tiền 177.900.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo T, P;
- + Số tiền số tiền 15.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo C1;
- + Số tiền 15.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo H2;
- + Số tiền 3.640.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo D1;

Tuy nhiên, do các bị cáo nói trên bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ nhà nước tiền và tài sản liên quan đến việc đánh bạc: Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc sau khi khấu trừ số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội: 421.112.000 đồng – 211.540.000 đồng = 209.572.000 đồng và số tiền 12.120.000 đồng bị cáo V3 đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Đắk Lắk trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 14 Pro Max, màu tím, có gắn sim điện thoại số 0865632971. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, không có số điện thoại. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu vàng, có gắn thẻ sim 0344853709. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, có gắn thẻ sim 0379380561. Máy đã qua sử dụng; 01 máy tính hiệu CASIO hiệu AX – 120B. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P).

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A76, IME: 1869571059250354, 1869571059250347, bên trong không gắn thẻ sim. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại hiệu V7, loại bàn phím, màu đen, imei 1: 359907211426500, imei 2: 2359907211426518. Bên trong gắn 02 thẻ sim mạng viettel số 0387603235 và 0868642423. Máy đã qua sử dụng; 01 máy tính hiệu “Casio MX-12B”. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Ngô Văn T1).

+ 01 điện thoại di động hiệu S4, vỏ màu xanh – đen, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong (của bị cáo Ngô Thị H4).

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8, imei 1: 863126062076079, imei 2: 863126062076061, có gắn thẻ sim 0961530474. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Phan Thị Kim H1).

+ 01 điện thoại di động hiệu S4 A10S, màu đỏ, có đăng ký sim điện thoại số 0328431592. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thị T15).

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A16 K, không kiểm tra tình trạng sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu FORME, không kiểm tra tình trạng sử dụng (của bị cáo Đinh Thị C4).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel izi56 (đã cũ) màu đen, số IMEI 352766241035070 và 362766241035088 gắn 02 thẻ sim là 0395474105 và

0702311598. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus (đã cũ) màu trắng hồng, số IMEI 353328071334500 không có thẻ sim, có sử dụng mạng xã hội Facebook Messenger “Hanh Tran”. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị Bích H2).

+ 01 điện thoại di động hiệu V7 màu đen, số sim 034851779. Máy đã qua sử dụng; 01 bút bi màu đỏ hiệu maxtixs, 01 bút bi màu đỏ hiệu Siueetme, 04 bút bi màu xanh hiệu Siueetme. Bút đã qua sử dụng; Túi vải có khóa kéo màu hồng, đã qua sử dụng; 02 hộp nhựa có nắp vặn màu trắng bên trong có chứa các đôi giấy, đã qua sử dụng (của bị cáo Võ Thị M1).

+ 01 điện thoại di động hiệu Mastel IZI T2, màu xanh dương, loại bàn phím cơ; 01 điện thoại di động hiệu Viettel G1, màu đen, loại bàn phím cơ. Máy đã qua sử dụng; 01 máy tính cầm tay hiệu Flexico CAL-06S. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trương Thị C1).

+ 01 điện thoại di động hiệu N11 màu đen, gắn thẻ sim 0967490366. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh đen, gắn thẻ sim 0335773179. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thị Bạch T19).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A05S, màu xanh. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10, màu trắng kem. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Lê Thị Thúy V3).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh - đen, gắn sim điện thoại số 0336940256, máy đã qua sử dụng. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị Kim M).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng, máy đã qua sử dụng. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Chí T8).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A22, màu tím, màn hình cảm ứng, gắn thẻ sim số 0385557812. Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong (của bị cáo Đặng Thị Thanh H3).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, không gắn thẻ sim, M5 đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị T21).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu trắng kem, máy đã qua sử dụng (của bị cáo Huỳnh Thị D1 (D2)).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime, màu vàng, máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thị N6).

+ 01 điện thoại di động hiệu FORME, màu xanh, loại điện thoại bàn phím, bên trong có số sim 0358459391, máy đã qua sử dụng; 01 máy tính hiệu “Casio”, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu “Masstel” màu đen, loại bàn phím, bên trong có số thuê bao 0343250978. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Huỳnh Thị D1).

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ các dụng cụ dùng để đánh bạc, các đồ vật liên quan không còn giá trị sử dụng: 02 cây bút bi hiệu Thiên Long, gồm: 01 màu xanh, 01 màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 bút bi màu đỏ hiệu maxtixs, 01 bút bi

màu đỏ hiệu Siueetme, 04 bút bi màu xanh hiệu Siueetme. Bút đã qua sử dụng; Túi vải có khóa kéo màu hồng, đã qua sử dụng; 02 hộp nhựa có nắp vặn màu trắng bên trong có chứa các đôi giấy, đã qua sử dụng; 01 rổ tròn bằng nhựa màu đen có đường kính 20cm cao 6cm, bên trong có 14 tập giấy có chung kích thước (10,5x6,5)cm, chưa ghi gì; 01 miếng nhựa màu đen có dòng chữ “Casio” và 02 giấy than màu xanh hiệu “CARBONEX” kích thước (11x5) cm; 01 tập giấy có kích thước (10,5x6,5)cm, còn trống chưa ghi gì; 02 tập giấy có kích thước (10,5x6) cm chưa ghi gì; 01 cây bút màu đỏ không nhãn hiệu; 01 cây bút màu xanh hiệu “Matixs”, đã qua sử dụng; 01 cây bút màu đỏ hiệu “Double Asilk Ball” và 01 cây bút màu xanh hiệu “matixs, bút đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa màu trắng hiệu “GOLDLION” bên trong có 13 tờ giấy than hiệu “CARBONEX” tờ lớn nhất có kích thước (11x5)cm, tờ nhỏ nhất có kích thước (9,5x4) cm, đã qua sử dụng; 01 tờ giấy than màu xanh hiệu “CARBONEX” kích thước (11x5)cm; 02 túi nilong màu đen bên trong có 62 tập giấy chưa ghi gì có kích thước (10,5x6) cm, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 12/9/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14- Đắk Lắk).

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N6: Luật sư Đoàn Cửu V4 thống nhất với tội danh, căn cứ định tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo. Viện kiểm sát đề xuất áp dụng hình phạt từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ đã thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, bị cáo trong người cũng mang nhiều chứng bệnh và nuôi con nhỏ.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim M: Luật sư Ngô Thiên P3: thống nhất với tội danh, căn cứ định tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo. Bị cáo M đã ăn năn, hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị M1: theo bản luận cứ đã gửi kèm theo đơn xin xét xử vắng mặt Luật sư Nguyễn N8 tranh luận cho rằng bị cáo M1 là người có trình độ học vấn thấp nên mức độ hiểu biết pháp luật rất yếu kém; sau khi phạm tội bị cáo M1 đã ăn năn, hối cải, đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng. Bị cáo M1 chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng thời bị cáo M1 phạm tội đã đủ 70 tuổi trở lên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị M1 cải tạo không giam giữ để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P, Ngô Văn T1, Phạm Thị Kim H11, Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1, Đặng Thị Thanh H3, Nguyễn Chí T8, Ngô Thị H4, Trần Thị Kim M, Huỳnh Thị D1, Trần Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị T15, Đinh Thị C4, Võ Thị M1, Nguyễn Thị Bạch T19, Nguyễn Thị N6, Biện Thị T20, Trần Thị T21, Lê Thị T23, Huỳnh Thị Tấn Y, Lê Thị Thúy V3, Huỳnh Thị D1 (D2) thông qua đơn xin xét xử vắng mặt đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 08/12/2024 đến ngày 15/12/2024, trên địa bàn xã T, xã Ô, phường B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo đã có hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc như sau:

- Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P đã tổ chức đánh bạc 03 lần với số tiền mỗi lần từ 20.000.000 đồng trở lên và 10 người trở trên, 03 lần với số tiền mỗi lần từ 20.000.000 đồng trở lên và dưới 10 người, 02 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 05 lần với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 1.030.846.800 đồng, thu lợi bất chính 28.323.064 đồng;

- Ngô Văn T1 đã tổ chức đánh bạc 06 lần với số tiền mỗi lần từ 20.000.000 đồng trở lên và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 347.915.000 đồng, thu lợi bất chính 42.530.690 đồng;

- Trương Thị C1 đã tổ chức đánh bạc 01 lần với số tiền 28.742.800 đồng và dưới 10 người, 04 lần với số tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần với số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 69.149.400 đồng, thu lợi bất chính 1.479.706 đồng;

- Trần Thị Bích H2 đã tổ chức đánh bạc 01 lần với số tiền 24.340.000 đồng và dưới 10 người, 04 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần với số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 71.192.000 đồng, thu lợi bất chính 17.742.813 đồng;

- Phan Thị Kim H1 đã tổ chức đánh bạc 01 lần với số tiền 30.932.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần với số tiền 16.560.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần với số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 47.870.000 đồng, thu lợi bất

chính 214.844 đồng;

- Đặng Thị Thanh H3 đã tổ chức đánh bạc 01 lần với số tiền 31.501.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần với số tiền 11.026.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 42.527.000 đồng, thu lợi bất chính 8.918.550 đồng;

- Nguyễn Chí T8 đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 88.500.000 đồng;

- Huỳnh Thị D1 đã tổ chức đánh bạc 04 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 02 lần với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 42.959.500 đồng, thu lợi bất chính 2.174.690 đồng;

- Đinh Thị C4 đã tổ chức đánh bạc 01 lần với số tiền 5.507.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần với số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 6.467.000 đồng, thu lợi bất chính 79.696 đồng;

- Trần Thị T21 đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 18.456.000 đồng, thu lợi bất chính 5.303.090 đồng;

- Nguyễn Thị Bạch T19 đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 18.361.000 đồng, thu lợi bất chính 376.130 đồng;

- Võ Thị M1 đã tổ chức đánh bạc 03 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 06 lần với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 30.538.800 đồng, thu lợi bất chính 1.214.405 đồng;

- Trần Thị Kim M đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 23.276.000 đồng, thu lợi bất chính 1.164.900 đồng;

- Trần Thị Ngọc Đ1 đã tổ chức đánh bạc 04 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 02 lần với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 54.387.000 đồng, thu lợi bất chính 1.009.260 đồng;

- Nguyễn Thị T15 đã đánh bạc 03 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, đánh bạc, tổ chức đánh bạc 03 lần với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 50.863.700 đồng, thu lợi bất chính 13.172.617 đồng;

- Ngô Thị H4 đã đánh bạc 01 lần với số tiền 73.830.000 đồng, 05 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 226.009.000 đồng, thu lợi bất chính 69.023.810 đồng;

- Huỳnh Thị D1 (D2) đã đánh bạc 01 lần với số tiền 81.090.000 đồng, 01 lần với số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 81.468.000 đồng, thu lợi bất chính 92.400 đồng;

- Lê Thị T23 đã tổ chức đánh bạc 01 lần với số tiền 13.385.000 đồng và dưới

10 người, 01 lần với số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 14.965.000 đồng, thu lợi bất chính 177.850 đồng;

- Biện Thị T20 đã tổ chức đánh bạc 01 lần với số tiền 8.797.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 13.235.000 đồng, thu lợi bất chính 164.490 đồng;

- Nguyễn Thị N6 đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 03 lần với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000đ, với tổng số tiền đánh bạc là 18.457.000 đồng, thu lợi bất chính 372.963 đồng;

- Huỳnh Thị Tấn Y đã tổ chức đánh bạc 01 lần với tổng số tiền đánh bạc là 8.980.000 đồng và dưới 10 người, thu lợi bất chính 76.230 đồng;

- Lê Thị Thúy V3 đã đánh bạc 01 lần với số tiền 8.150.000 đồng, 01 lần với số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 12.120.000 đồng, thu lợi bất chính 1.251.800 đồng.

Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là **2.318.543.200** đồng, thu lợi bất chính 196.120.848 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất ổn định tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện nhằm hưởng lợi bất chính. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

[4.1] Đối với bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Thị Thanh P: vợ chồng bị cáo giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu trong vụ án. Vì muốn thu lợi bất chính từ hoạt động đánh bạc dưới hình thức số đề ăn thua bằng tiền nên hai bị cáo đã móc nối, rủ rê các bị cáo và nhiều người khác tổ chức đánh bạc và đánh bạc. Bị cáo T có một tiền án về tội đánh bạc. Cụ thể, Ngày 09/6/2020 bị cáo T bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk) xử phạt 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Đánh bạc” nhưng bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp của bị cáo. Do đó, cần xử lý bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc và cao nhất trong vụ án. Bị cáo P là người giúp sức cho bị cáo T để tổ chức và phát triển mạng lưới đánh bạc, cùng chuẩn bị các công cụ, phương tiện phục vụ cho việc đánh bạc nên mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt của bị cáo T. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để nhằm giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.2] Đối với các bị cáo Trương Thị C1, Trần Thị Bích H2, Phan Thị Kim H1, Đặng Thị Thanh H3: giữ vai trò là đồng phạm tích cực trong vụ án, là người

trung gian nhận tịch đề của người khác rồi tổng hợp, chuyển cho T, P để hưởng hoa hồng, giữ lại một số lô đề để thắng thua với cấp dưới và nhiều lần tổ chức cho các bị cáo khác và người khác đánh bạc. Trong đó, bị cáo C1, H2 05 lần tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc trên 50.000.000 đồng; bị cáo H3, H1 02 lần tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc dưới 50.000.000 đồng. Nên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.3] Đối với bị cáo Ngô Văn T1, Nguyễn Chí T8 vì muốn thu lợi bất chính từ hoạt động đánh bạc dưới hình thức số đề ăn thua bằng tiền nên đã làm người trung gian ghi lô đề, nhận tịch đề từ cấp dưới rồi chuyển lên cho cấp trên để hưởng hoa hồng và thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.4] Đối với bị cáo Ngô Thị H4 và Huỳnh Thị D1 (D2): vì muốn thu lợi bất chính nên các bị cáo tự nghĩ ra số đề và số tiền đánh rồi chụp gửi cho các bị cáo khác để đánh bạc. Các bị cáo nhiều lần tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền và một trong số những lần tham gia đánh bạc, các bị cáo đã đánh bạc với giá trị trên 50.000.000 đồng. Nên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.5] Đối với các bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị T15, Huỳnh Thị D1: các bị cáo đều giữ vai trò là trung gian ghi đề rồi chuyển cho chủ cái để hưởng lợi bất chính, các lần đều dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người nên đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ Luật hình sự. Tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo đều từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng nên cần áp dụng mức hình phạt tù đối với các bị cáo. Nên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.6] Đối với các bị cáo Võ Thị M1, Trần Thị T21, Nguyễn Thị Bạch T19, Trần Thị Kim M, Nguyễn Thị N6, Lê Thị T23, Biện Thị T20, Lê Thị Thúy V3: cùng tham gia đánh bạc, nhưng số tiền đánh bạc ở mức định khung tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và số tiền thu lợi bất chính không lớn. Tuy nhiên, để cho các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho gia đình, Ủy ban nhân dân xã N12 bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo các bị cáo và giúp các bị cáo trở thành công dân tốt.

[4.7] Đối với các bị cáo Đinh Thị C4, Huỳnh Thị Tấn Y: cùng là người trung gian ghi số đề rồi tổng hợp, chuyển cho bị cáo T, P để hưởng hoa hồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo trong vụ án là không đáng kể, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà việc áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo, vừa đảm bảo việc thu nộp ngân sách Nhà nước, vừa có tác dụng răn đe và cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Phạm Thị Kim H11, Đặng Thị Thanh H3, Huỳnh Thị D1, Đinh Thị C4, Biện Thị T20, Lê Thị T23, Huỳnh Thị Tấn Y, Lê Thị Thúy V3 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P, Ngô Văn T1, Trương Thị C1, Trần Thị Bích H2, Nguyễn Chí T8, Huỳnh Thị D1, Trần Thị T21, Nguyễn Thị Bạch T19, Võ Thị M1, Trần Thị Kim M, Trần Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị T15, Ngô Thị H4, Nguyễn Thị N6: nhiều lần thực hiện hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T do có 01 tiền án chưa được xóa án tích đã áp dụng tình tiết định khung đối với tội Tổ chức đánh bạc, đối với tội Đánh bạc, bị cáo T tái phạm nên bị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (trong đó bị cáo Trương Thị C1, Trần Thị Bích H2 áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự chỉ đối với tội Đánh bạc)

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình giải quyết vụ án tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P mỗi bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 15.000.000 đồng. Hai bị cáo có nhân thân là người có công với cách mạng cụ thể: bị cáo T có cha là ông Phạm Bạch H tham gia hoạt động cách mạng và bị địch bắt tù đầy. Bị cáo P có cha là ông Nguyễn Duy K tham gia hoạt động cách mạng và bị địch bắt tù đầy, ông nội ruột là ông Phạm L17 được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì. Ngoài ra, hai bị cáo được Ban nhân dân thôn và Ủy ban nhân dân xã T xác nhận có đóng góp, tài trợ cho các hoạt động từ thiện, xã hội tại địa phương.

Bị cáo Trần Thị Bích H2 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng, đồng thời bị cáo có ông ngoại là ông Trần T37 là Liệt sỹ; Bị cáo Ngô Thị H4 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 10.000.000 đồng, bị cáo có ông ngoại ruột là Huỳnh Xuân L18 và bà ngoại ruột là Phạm Thị M6 là chiến sỹ tham gia cách mạng và bị địch bắt tù đầy, bị cáo có bà cố là Kiều L19 là liệt sỹ; Bị cáo Huỳnh Thị D1 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 3.000.000 đồng, có mẹ chồng là bà Phan Thị N10 là chiến sỹ tham gia cách mạng, bị địch bắt tù đầy, đồng thời được hưởng chính sách như thương binh và có cha chồng Tổng Ư là Liệt sỹ; Bị cáo Huỳnh Thị Tấn Y tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng, bị cáo Y có cha là ông Huỳnh Tấn B là người có công với cách mạng.

Bị cáo Lê Thị Thúy V3 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo V3 tiếp tục tự nguyện nộp toàn bộ số tiền mà bị cáo dùng vào việc đánh bạc 12.120.000 đồng; đồng thời bị cáo có cha đẻ là ông Lê C8 là chiến sỹ tham gia cách mạng và bị địch bắt tù đầy và được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng ba vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Năm 2021 bị cáo V3 được Hội Liên hiệp phụ nữ huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong hoạt động phòng, chống dịch Covid-19; Năm 2022 bị cáo V3 được Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã A (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk) tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh năm 2022.

Bị cáo Trương Thị C1 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng, bị cáo có chồng là ông Hồ Văn T5 là cựu Thanh niên xung phong Phú Khánh; Bị cáo Trần Thị Kim M tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng và được đại diện chính quyền địa phương xác nhận là lao động chính trong gia đình;

Bị cáo Đặng Thị Thanh H3 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Thị T15, Ngô Văn T1 mỗi bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 15.000.000 đồng; Bị cáo Trần Thị T21 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 5.500.000 đồng; bị cáo Phan Thị Kim H1 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 5.000.000 đồng; Bị cáo Võ Thị M1, Nguyễn Thị Bạch T19, Trần Thị Ngọc Đ1, Đinh Thị C4, Nguyễn Thị N6, Biện Thị T20, Nguyễn Chí T8 mỗi bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng; Bị cáo Lê Thị T23, Huỳnh Thị D1 (D2) mỗi bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo C4, Trong, T20, Y, V3 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo M1, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ 70 tuổi nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước nhằm tác dụng răn đe. Riêng bị cáo Đinh Thị C4, Huỳnh Thị Tấn Y bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Các bị cáo khai đã nhận tịch đề, chuyển tịch đề, ghi số đề cho người sử dụng Zalo tên “Thương Sa”, “Nguyennguyen”, “Thiện Ái”, “T1”, “Ngọc P7”, “T15”, “Mai Ly”, “Điều Điều”, “Hằng Nga”, “Ngô Thị T38”, sử dụng Facebook tên “Huong P8”; người dùng số điện thoại 0815277646, 0332918506, 0377097332,

0778291095; người tên P6, người tên T36 và nhiều người khác nhưng không xác định được nhân thân lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Phạm Thị Thanh H9, Nguyễn Trần Trung H10, Hồ Văn T5, Nguyễn Minh L3, Tống Văn N4, Trương T16, Trương Hoàng T34, Huỳnh Thanh T11, Phan Đức T18 là người thân trong gia đình của các bị cáo, biết các bị cáo có hoạt động tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức ghi số đề được thua bằng tiền, nhưng không bàn bạc, thống nhất, không tham gia tổ chức đánh bạc, đánh bạc nên không đồng phạm với các bị cáo.

Võ Văn L11, Lê Thị Thu O, Nguyễn Thị Kim T28, Nguyễn Hữu T29; Trần Thị B1, Ngô Thị S1, Nguyễn Khắc T27, Nguyễn Bá Q2, Dương Thị Kim S2, Nguyễn Thị D5, Nguyễn Thị Hồng D6, Trần Thị Tuyết M3, Nguyễn Thị G2, Lê Thị M4, Biện Lý C10, Nguyễn Văn T30, Lê Văn T31, Huỳnh Văn T32, Nguyễn Thị H12, Lê H7, Trần Thị N9, Nguyễn Thị Kim L12, Nguyễn Thị Thùy L13, Nguyễn Thị L14, Nguyễn Thị L15, Nguyễn Thị L16, Nguyễn Thị Xuân P5, Lê Thanh H7, Nguyễn Thị H8, Nguyễn Thị C9, Huỳnh Thị Mỹ P4, Nguyễn Thị M2, Trần Ngọc V5, Nguyễn Thị B2, Nguyễn Thị B4, Nguyễn Thị S3, Dương T33 và Nguyễn Thị B4 (đã chết) đã có hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc dưới hình thức ghi số đề được thua bằng tiền nhưng số tiền đánh bạc mỗi lần dưới 5.000.000 đồng và không có tình tiết định tội khác nên hành vi không cấu thành tội phạm.

[7] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho các bị cáo số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội:
- + Số tiền 177.900.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo T27, P7;
- + Số tiền số tiền 15.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo C1;
- + Số tiền 15.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo H2;
- + Số tiền 3.640.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo D1;

Tuy nhiên, do các bị cáo nói trên bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước tiền và tài sản liên quan đến việc đánh bạc:
 - + Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc sau khi khấu trừ số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội: 421.112.000 đồng – 211.540.000 đồng = 209.572.000 đồng.

- + 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 14 Pro Max, màu tím, có gắn sim điện thoại số 0865632971. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, không có số điện thoại. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu vàng, có gắn thẻ sim 0344853709. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, có gắn thẻ sim 0379380561. Máy đã qua sử dụng; 01 máy tính hiệu CASIO hiệu AX – 120B. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P).

- + 01 điện thoại di động hiệu OPPO A76, IME: 1869571059250354, 1869571059250347, bên trong không gắn thẻ sim. Máy đã qua sử dụng; 01 điện

thoại hiệu V7, loại bàn phím, màu đen, imei 1: 359907211426500, imei 2: 2359907211426518. Bên trong gắn 02 thẻ sim mạng viettel số 0387603235 và 0868642423. Máy đã qua sử dụng; 01 máy tính hiệu “Casio MX-12B”. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Ngô Văn T1).

+ 01 điện thoại di động hiệu S4, vỏ màu xanh – đen, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong (của bị cáo Ngô Thị H4).

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8, imei 1: 863126062076079, imei 2: 863126062076061, có gắn thẻ sim 0961530474. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Phan Thị Kim H1).

+ 01 điện thoại di động hiệu S4 A10S, màu đỏ, có đăng ký sim điện thoại số 0328431592. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thị T15).

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A16 K, không kiểm tra tình trạng sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu FORME, không kiểm tra tình trạng sử dụng (của bị cáo Đinh Thị C4).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel izi56 (đã cũ) màu đen, số IMEI 352766241035070 và 362766241035088 gắn 02 thẻ sim là 0395474105 và 0702311598. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus (đã cũ) màu trắng hồng, số IMEI 353328071334500 không có thẻ sim, có sử dụng mạng xã hội Facebook Mesenger “Hanh Tran”. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị Bích H2).

+ 01 điện thoại di động hiệu V7 màu đen, số sim 034851779. Máy đã qua sử dụng; 01 bút bi màu đỏ hiệu maxtixs, 01 bút bi màu đỏ hiệu Siueetme, 04 bút bi màu xanh hiệu Siueetme. Bút đã qua sử dụng; Túi vải có khóa kéo màu hồng, đã qua sử dụng; 02 hộp nhựa có nắp vặn màu trắng bên trong có chứa các đôi giấy, đã qua sử dụng (của bị cáo Võ Thị M1).

+ 01 điện thoại di động hiệu Mastel IZI T2, màu xanh dương, loại bàn phím cơ; 01 điện thoại di động hiệu Viettel G1, màu đen, loại bàn phím cơ. Máy đã qua sử dụng; 01 máy tính cầm tay hiệu Flexico CAL-06S. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trương Thị C1).

+ 01 điện thoại di động hiệu N11 màu đen, gắn thẻ sim 0967490366. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh đen, gắn thẻ sim 0335773179. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thị Bạch T19).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A05S, màu xanh. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10, màu trắng kem. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Lê Thị Thúy V3).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh - đen, gắn sim điện thoại số 0336940256, máy đã qua sử dụng. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị Kim M).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng, máy đã qua sử dụng. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Chí T8).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A22, màu tím, màn hình cảm ứng, gắn thẻ sim số 0385557812. Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong (của bị cáo Đặng Thị Thanh H3).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, không gắn thẻ sim, M5 đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị T21).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu trắng kem, máy đã qua sử dụng (của bị cáo Huỳnh Thị D1 (D2)).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime, màu vàng, máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thị N6).

+ 01 điện thoại di động hiệu FORME, màu xanh, loại điện thoại bàn phím, bên trong có số sim 0358459391, máy đã qua sử dụng; 01 máy tính hiệu “Casio”, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu “Masstel” màu đen, loại bàn phím, bên trong có số thuê bao 0343250978. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Huỳnh Thị D1).

Tịch thu tiêu huỷ các dụng cụ dùng để đánh bạc, các đồ vật liên quan không còn giá trị sử dụng: 02 cây bút bi hiệu Thiên Long, gồm: 01 màu xanh, 01 màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 bút bi màu đỏ hiệu maxtixs, 01 bút bi màu đỏ hiệu Siueetme, 04 bút bi màu xanh hiệu Siueetme. Bút đã qua sử dụng; Túi vải có khóa kéo màu hồng, đã qua sử dụng; 02 hộp nhựa có nắp vặn màu trắng bên trong có chứa các đôi giấy, đã qua sử dụng; 01 rổ tròn bằng nhựa màu đen có đường kính 20cm cao 6cm, bên trong có 14 tập giấy có chung kích thước (10,5x6,5)cm, chưa ghi gì; 01 miếng nhựa màu đen có dòng chữ “Casio” và 02 giấy than màu xanh hiệu “CARBONEX” kích thước (11x5) cm; 01 tập giấy có kích thước (10,5x6,5)cm, còn trống chưa ghi gì; 02 tập giấy có kích thước (10,5x6) cm chưa ghi gì; 01 cây bút màu đỏ không nhãn hiệu; 01 cây bút màu xanh hiệu “Matixs”, đã qua sử dụng; 01 cây bút màu đỏ hiệu “Double Asilk Ball” và 01 cây bút màu xanh hiệu “matixs”, bút đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa màu trắng hiệu “GOLDLION” bên trong có 13 tờ giấy than hiệu “CARBONEX” tờ lớn nhất có kích thước (11x5)cm, tờ nhỏ nhất có kích thước (9,5x4) cm, đã qua sử dụng; 01 tờ giấy than màu xanh hiệu “CARBONEX” kích thước (11x5)cm; 02 túi nilong màu đen bên trong có 62 tập giấy chưa ghi gì có kích thước (10,5x6) cm, đã qua sử dụng.

[8] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Từ những căn cứ, phân tích trên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P, Phan Thị Kim H1, Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1 và Đặng Thị Thanh H3 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và Đánh bạc; Bị cáo Ngô Văn T1 và Nguyễn Chí T8 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Bị cáo Ngô Thị H4, Huỳnh Thị D1 (D2), Huỳnh Thị D1, Đinh Thị C4, Trần Thị T21, Nguyễn Thị Bạch T19, Võ Thị M1, Trần Thị Kim M, Trần Thị Ngọc Đ1,

Lê Thị T23, Nguyễn Thị T15, Biền Thị T20, Nguyễn Thị N6, Huỳnh Thị Tấn Y và Lê Thị Thúy V3 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng điểm a, c, đ khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, 17, 38, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Minh T: 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Hình phạt bổ sung: 35.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, 17, 38, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Minh T: 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt bổ sung: 20.000.000 đồng;

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ Luật hình sự tổng hình phạt bị cáo **Phạm Minh T** phải chấp hành là: 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2024 đến ngày 12/3/2025 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

Hình phạt bổ sung: 55.000.000 đồng

2. Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, 17, 38, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh P: 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Hình phạt bổ sung: 30.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, 17, 38, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh P: 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt bổ sung: 15.000.000 đồng;

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ Luật hình sự tổng hình phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh P** phải chấp hành là: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2024 đến ngày 20/2/2025 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

Hình phạt bổ sung: 45.000.000 đồng.

3. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Bích H2: 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Hình phạt bổ sung 20.000.000 đồng

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Bích H2: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng;

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ Luật hình sự tổng hình phạt bị cáo **Trần Thị Bích H2** phải chấp hành là: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: 30.000.000 đồng

4. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị C1: 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Hình phạt bổ sung 20.000.000 đồng

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị C1: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng;

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ Luật hình sự tổng hình phạt bị cáo **Trương Thị C1** phải chấp hành là: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: 30.000.000 đồng

5. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị Thanh H3: 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Hình phạt bổ sung 20.000.000 đồng

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị Thanh H3: 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng;

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ Luật hình sự tổng hình phạt bị cáo **Đặng Thị Thanh H3** phải chấp hành là: 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: 30.000.000 đồng

6. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Thị Kim H1: 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Hình phạt bổ sung 20.000.000 đồng

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Thị Kim H1: 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng;

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ Luật hình sự tổng hình phạt bị cáo **Phan Thị Kim H1** phải chấp hành là: 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 22/12/2024 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

Hình phạt bổ sung: 30.000.000 đồng

7. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Ngô Văn T1**: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: 25.000.000 đồng

8. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí T8**: 01 (một) 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: 25.000.000 đồng

9. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Ngô Thị H4**:

03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2024 đến ngày 24/01/2025 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

Hình phạt bổ sung 25.000.000 đồng

10. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị D1 (D2):** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung 20.000.000 đồng

11. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thị Ngọc D1:** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng.

12. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T15:** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2024 đến ngày 21/12/2024 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng.

13. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị D1:** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian bị tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 21/12/2024 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng.

14. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Võ Thị M1:** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng

15. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thị T21:** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo

trong gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng

16. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bạch T19:** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ô, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng

17. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thị Kim M:** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng

18. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N6:** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng

19. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Thị T23:** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ô, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng

20. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Biện Thị T20:** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ô, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng.

21. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Thị Thúy V3:** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng.

22. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đinh Thị C4:** 20.000.000 đồng.

23. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị Tấn Y:** 20.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự, Trả lại cho các bị cáo tổng số tiền 211.540.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội, cụ thể:

Số tiền 177.900.000 đồng của bị cáo T, P bị thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo;

Số tiền số tiền 15.000.000 đồng của bị cáo C1 bị thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo;

Số tiền 15.000.000 đồng của bị cáo H2 bị thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo;

Số tiền 3.640.000 đồng của bị cáo D1 bị thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo;

Tuy nhiên, do các bị cáo nói trên bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tiền và tài sản liên quan đến việc đánh bạc:

+ Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc sau khi khấu trừ số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội: 421.112.000 đồng – 211.540.000 đồng = 209.572.000 đồng và số tiền 12.120.000 đồng bị cáo V3 đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Đắk Lắk trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 14 Pro Max, màu tím, có gắn sim điện thoại số 0865632971. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, không có số điện thoại. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu vàng, có gắn thẻ sim 0344853709. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, có gắn thẻ sim 0379380561. Máy đã qua sử dụng; 01 máy tính hiệu CASIO hiệu AX – 120B. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P).

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A76, IME: 1869571059250354, 1869571059250347, bên trong không gắn thẻ sim. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại hiệu V7, loại bàn phím, màu đen, imei 1: 359907211426500, imei 2: 2359907211426518. Bên trong gắn 02 thẻ sim mạng viettel số 0387603235 và 0868642423. Máy đã qua sử dụng; 01 máy tính hiệu “Casio MX-12B”. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Ngô Văn T1).

+ 01 điện thoại di động hiệu S4, vỏ màu xanh – đen, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong (của bị cáo Ngô Thị H4).

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8, imei 1: 863126062076079, imei 2: 863126062076061, có gắn thẻ sim 0961530474. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Phan Thị Kim H1).

+ 01 điện thoại di động hiệu S4 A10S, màu đỏ, có đăng ký sim điện thoại số 0328431592. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thị T15).

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A16 K, không kiểm tra tình trạng sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu FORME, không kiểm tra tình trạng sử dụng (của bị cáo Đinh Thị C4).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel izi56 (đã cũ) màu đen, số IMEI 352766241035070 và 362766241035088 gắn 02 thẻ sim là 0395474105 và 0702311598. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus (đã cũ) màu trắng hồng, số IMEI 353328071334500 không có thẻ sim, có sử dụng mạng xã hội Facebook Mesenger “Hanh Tran”. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị Bích H2).

+ 01 điện thoại di động hiệu V7 màu đen, số sim 034851779. Máy đã qua sử dụng; 01 bút bi màu đỏ hiệu maxtixs, 01 bút bi màu đỏ hiệu Siueetme, 04 bút bi màu xanh hiệu Siueetme. Bút đã qua sử dụng; Túi vải có khóa kéo màu hồng, đã

qua sử dụng; 02 hộp nhựa có nắp vặn màu trắng bên trong có chứa các đôi giấy, đã qua sử dụng (của bị cáo Võ Thị M1).

+ 01 điện thoại di động hiệu Mastel IZI T2, màu xanh dương, loại bàn phím cơ; 01 điện thoại di động hiệu Viettel G1, màu đen, loại bàn phím cơ. Máy đã qua sử dụng; 01 máy tính cầm tay hiệu Flexico CAL-06S. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trương Thị C1).

+ 01 điện thoại di động hiệu N11 màu đen, gắn thẻ sim 0967490366. Máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh đen, gắn thẻ sim 0335773179. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thị Bạch T19).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A05S, màu xanh. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10, màu trắng kem. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Lê Thị Thúy V3).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh - đen, gắn sim điện thoại số 0336940256, máy đã qua sử dụng. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị Kim M).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng, máy đã qua sử dụng. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Chí T8).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A22, màu tím, màn hình cảm ứng, gắn thẻ sim số 0385557812. Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong (của bị cáo Đặng Thị Thanh H3).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, không gắn thẻ sim, M5 đã qua sử dụng (của bị cáo Trần Thị T21).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu trắng kem, máy đã qua sử dụng (của bị cáo Huỳnh Thị D1 (D2)).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime, màu vàng, máy đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Thị N6).

+ 01 điện thoại di động hiệu FORME, màu xanh, loại điện thoại bàn phím, bên trong có số sim 0358459391, máy đã qua sử dụng; 01 máy tính hiệu “Casio”, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu “Masstel” màu đen, loại bàn phím, bên trong có số thuê bao 0343250978. Máy đã qua sử dụng (của bị cáo Huỳnh Thị D1).

Tịch thu tiêu huỷ các dụng cụ dùng để đánh bạc, các đồ vật liên quan không còn giá trị sử dụng: 02 cây bút bi hiệu Thiên Long, gồm: 01 màu xanh, 01 màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 bút bi màu đỏ hiệu maxtixs, 01 bút bi màu đỏ hiệu Siueetme, 04 bút bi màu xanh hiệu Siueetme. Bút đã qua sử dụng; Túi vải có khóa kéo màu hồng, đã qua sử dụng; 02 hộp nhựa có nắp vặn màu trắng bên trong có chứa các đôi giấy, đã qua sử dụng; 01 rổ tròn bằng nhựa màu đen có đường kính 20cm cao 6cm, bên trong có 14 tập giấy có chung kích thước (10,5x6,5)cm, chưa ghi gì; 01 miếng nhựa màu đen có dòng chữ “Casio” và 02 giấy than màu xanh hiệu “CARBONEX” kích thước (11x5) cm; 01 tập giấy có kích thước (10,5x6,5)cm, còn trống chưa ghi gì; 02 tập giấy có kích thước (10,5x6) cm chưa ghi gì; 01 cây

bút màu đỏ không nhãn hiệu; 01 cây bút màu xanh hiệu “Matixs”, đã qua sử dụng; 01 cây bút màu đỏ hiệu “Double Asilk Ball” và 01 cây bút màu xanh hiệu “matixs”, bút đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa màu trắng hiệu “GOLDLION” bên trong có 13 tờ giấy than hiệu “CARBONEX” tờ lớn nhất có kích thước (11x5)cm, tờ nhỏ nhất có kích thước (9,5x4) cm, đã qua sử dụng; 01 tờ giấy than màu xanh hiệu “CARBONEX” kích thước (11x5)cm; 02 túi nilong màu đen bên trong có 62 tập giấy chưa ghi gì có kích thước (10,5x6) cm, đã qua sử dụng.

Về án phí: căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Thị Thanh P, Ngô Văn T1, Phạm Thị Kim H11, Trần Thị Bích H2, Trương Thị C1, Đặng Thị Thanh H3, Nguyễn Chí T8, Ngô Thị H4, Huỳnh Thị D1 (D2), Trần Thị Kim M, Huỳnh Thị D1, Trần Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị T15, Đinh Thị C4, Nguyễn Thị Bạch T19, Nguyễn Thị N6, Biện Thị T20, Trần Thị T21, Lê Thị T23, Huỳnh Thị Tấn Y, Lê Thị Thúy V3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Võ Thị M1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng THADS khu vực 14;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Pha